TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2024/DS-ST
Ngày 17-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phong
2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2024 về việc Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim O, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố T, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Đinh Thị Như Q, sinh năm 1999, địa chỉ: Số nhà B, Đường T, khu phố C, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà O trình bày: Do có quen biết, từ ngày 13/5/2023 bà Q bắt đầu hỏi vay của bà O số tiền là 1.000.000 đồng. Các ngày sau đó bà Q tiếp tục hỏi vay tiền để sử dụng vào việc lo vay vốn tại ngân hàng, bà O đồng ý cho vay và đã chuyển khoản, đưa tiền mặt cho bà Q như sau:

1. Ngày 14/5/2023 số tiền là 25.000.000 đồng.

2. Ngày 16/5/2023 số tiền là 5.000.000 đồng.

3. Ngày 19/5/2023 số tiền là 1.000.000 đồng.

4. Ngày 25/5/2023 số tiền là 1.500.000 đồng.

5. Ngày 08/6/2023 số tiền là 3.000.000 đồng.

6. Ngày 09/6/2023 số tiền là 4.000.000 đồng.

7. Ngày 10/6/2023 số tiền là 2.000.000 đồng.

8. Ngày 14/6/2023 số tiền là 2.000.000 đồng.

9. Ngày 17/6/2023 số tiền là 3.000.000 đồng.

10. Ngày 20/6/2023 số tiền là 2.000.000 đồng.

11. Ngày 23/6/2023 số tiền là 3.000.000 đồng.

12. Ngày 24/6/2023 số tiền là 2.500.000 đồng.

Đến ngày 26/6/2023, bà Q ký giấy mượn tổng số tiền 55.000.000 đồng, hẹn ngày trả 26/7/2023, tính lãi theo lãi suất ngân hàng. Sau đó, bà Q không trả mà vay thêm, bà O tiếp tục chuyển tiền cho bà Q vay, cụ thể:

1. Ngày 27/6/2023 số tiền là 1.000.000 đồng.

2. Ngày 28/6/2023 số tiền là 2.000.000 đồng.

3. Ngày 29/6/2023 số tiền là 5.000.000 đồng.

4. Ngày 30/6/2023 số tiền là 10.000.000 đồng.

5. Ngày 01/7/2023 số tiền là 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền bà Q đã vay là 78.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 11/2023 sau khi bà O có đơn khởi kiện thì bà Q chuyển 5.000.000 đồng trả cho khoản vay sau ngày 26/6/2023. Như vậy, bà Q còn nợ 55.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 26/6/2023 và 18.000.000 đồng vay sau ngày 26/6/2023. Khi vay tiền có thỏa thuận lãi theo suất lãi ngân hàng nhưng bà Q không trả tiền lãi. Nay bà O yêu cầu bà Q trả số tiền gốc 73.000.000 đồng và trả tiền lãi theo qui định của pháp luật với lãi suất 10%/năm.

- Bị đơn bà Q không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà O, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định*: Việc nhận và xử lý đơn khởi kiện chưa thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, việc tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án là đúng theo qui định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O, buộc bà Q trả cho bà O số tiền 73.000.000 đồng và tiền lãi theo qui định. Về án phí: Bà Q phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định nên theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Bị đơn bà Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của bà Q liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà O được. Bà Q không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Theo nội dung Giấy mượn tiền ngày 26/6/2023 xác định bà Q có vay của bà O số tiền 55.000.000 đồng, hẹn đến ngày 26/7/2023 trả và có thỏa thuận việc trả lãi. Giao dịch giữa bà O và bà Q theo Giấy mượn tiền ngày 26/6/2023 là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Bà Q không chứng minh được việc trả tiền nên xác định bà Q chưa trả tiền gốc, lãi của hợp đồng vay tài sản này cho bà O.

[5] Theo các tin nhắn zalo giữa bà O với bà Q, có nội dung bà Q hỏi mượn tiền của bà O, cung cấp số tài khoản cho bà O, bà O gửi ảnh chụp màn hình thông báo chuyển khoản thành công và qua đối chiếu với Sao kê tài khoản của bà O tại Ngân hàng N, Ngân hàng Thương mại Cổ phần B xác định bà Q có vay tiền của bà O vào các ngày 27/6/2023 vay 1.000.000 đồng, ngày 28/6/2023 vay 2.000.000 đồng, ngày 29/6/2023 vay 5.000.000 đồng, ngày 30/6/2023 vay 10.000.000 đồng, ngày 01/7/2023 vay 5.000.000 đồng là đúng sự thật. Việc vay tiền này hai bên trao đổi qua tin nhắn zalo và chuyển khoản, không thể hiện thỏa thuận về thời hạn trả, việc trả lãi nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn và không có lãi. Bà O thừa nhận bà Q đã trả 5.000.000 đồng nên ghi nhận, bà Q không chứng minh được việc trả số tiền còn lại nên xác định bà Q còn nợ bà O số tiền 18.000.000 đồng.

[6] Đến hạn trả nợ theo thỏa thuận tại giấy mượn tiền ngày 26/6/2023 và khi bà O đòi nhưng bà Q không trả tiền là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Bà O khởi kiện yêu cầu bà Q trả tiền là có căn cứ, đúng pháp luật nên yêu cầu này được chấp nhận.

[7] Bà O cho rằng hai bên có thỏa thuận việc trả lãi theo lãi suất ngân hàng nhưng giấy mượn tiền ngày 26/6/2023 cũng như nội dung tin nhắn không thể hiện lãi suất, lãi suất quá hạn là bao nhiêu, của ngân hàng nào. Bà Q không có văn bản ý kiến về yêu cầu của bà O và bà O cũng không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh nên không có căn cứ để xác định lãi suất, lãi suất quá hạn các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự là 10%/năm. Bà Q vay tiền có lãi nên phải trả lãi trên nợ gốc 55.000.000 đồng tương ứng với thời hạn vay từ ngày 26/6/2023 đến ngày 26/7/2023, bà Q chậm trả lãi khi đến hạn nên còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, bà Q không trả nợ gốc khi đến hạn nên phải trả lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay. Khi bà O đòi số tiền 18.000.000 đồng nhưng bà Q không trả là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải trả lãi theo qui định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự với lãi suất 10%/năm. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà O, buộc bà Q phải trả lãi, lãi chậm trả như sau:

[7.1] Đối với số tiền vay theo Giấy mượn tiền ngày 26/6/2023, bà Q phải trả:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả = 55.000.000 đồng x 10%/năm x 1 tháng (thời gian vay chưa trả lãi trên nợ gốc từ ngày 26/6/2023 đến ngày 26/7/2023) là 458.300 đồng (đã là tròn số).

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả = 458.300 đồng x 10%/năm x 11 tháng 20 ngày (thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc từ ngày 27/7/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/7/2024) là 44.500 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = 55.000.000 đồng x 10%/năm x 150% x 11 tháng 20 ngày (thời gian chậm trả nợ gốc từ ngày 27/7/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/7/2024) là 8.020.800 đồng.

[7.2] Đối với số tiền vay từ ngày 27/6/2023 đến ngày 01/7/2023, bà O không chứng minh được thời điểm yêu cầu bà Q thực hiện nghĩa vụ nên buộc bà Q phải trả lãi chậm trả từ khi bà O có đơn khởi kiện ngày 21/8/2023 đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17/7/2024 với số tiền 18.000.000 đồng x 10%/năm x 10 tháng 26 ngày = 1.630.000 đồng.

[8] Từ những nhận định trên, buộc bà Q phải trả cho bà O số tiền gốc là 73.000.000 đồng và tiền lãi là 10.153.600 đồng. Bà Q vay tiền số tiền 55.000.000 đồng có thỏa thuận về việc trả lãi và vay số tiền 18.000.000 đồng không thỏa thuận về việc trả lãi nên cần quyết định theo qui định tại điểm a, b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

[9] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 83.153.600 đồng x 5% = 4.157.700 đồng (đã làm tròn số).

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 469, 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Kim O. Buộc bà Đinh Thị Như Q phải trả cho bà Huỳnh Thị Kim O số tiền 83.153.600 đồng (Tám mươi ba triệu một trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng). Trong đó: Tiền gốc 73.000.000 đồng tiền gốc và 10.153.600 đồng tiền lãi.

2. Về án phí và tiền tạm ứng án phí:

- Bà Đinh Thị Như Q phải chịu 4.157.700 đồng (Bốn triệu một trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho bà Huỳnh Thị Kim O số tiền 1.980.000 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng), bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006263 ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong (đối với số tiền 55.000.000 đồng), bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 15%/năm.

4.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án là 28.153.600 đồng) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng